

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 12 - 2020.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mùi Văn Huân.
2. Bà Trần Thị Thu Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bàn Văn Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, về việc “ *Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng A L, sinh năm 1976; địa chỉ: Bản CL, xã LL, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. (Có mặt tại phiên tòa).
2. Bị đơn: Chị Hàng Thị S (X), sinh năm 1970; địa chỉ: Bản CL, xã LL, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Giàng A L trình bày:

Anh và Hàng Thị S (X) sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn L do không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống, thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh Giàng A L thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với chị Hàng Thị S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng, Giàng A L và chị Hàng Thị S có 03 con chung, Giàng Thị K, sinh năm 1999; Giàng A S, sinh ngày 07/3/2001 (Hiện nay cháu đã trưởng thành xây dựng gia đình riêng); Giàng A T, sinh ngày 18/9/2003. Nay ly hôn, anh L muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng A T đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Hàng Thị S đóng góp tiền cấp dưỡng cho cháu Giàng A T.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Giàng A L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2020, bị đơn chị Hàng Thị S (X) trình bày:

Chị hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của anh Giàng A L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân của hai vợ chồng. Ngoài ra, hai anh, chị không có mâu thuẫn nào khác.

- Về tình cảm: Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Có 03 cháu, Giàng Thị K, sinh năm 1999 (Hiện nay cháu đã đi lấy chồng); Giàng A S, sinh ngày 07/3/2001 (Hiện nay cháu đã trưởng thành); Giàng A T, sinh ngày 18/9/2003. Nếu ly hôn, chị nhất trí giao cháu cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không phải đóng góp tiền cấp dưỡng cho cháu Giàng A T do anh Giàng A L không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng A L và chị Hàng Thị S L vợ chồng.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Giàng A T, sinh ngày 18/9/2003 cho anh Giàng A L trực tiếp nuôi dưỡng, chị Hàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Giàng A L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Giàng A L và chị Hàng Thị S đều có hộ khẩu thường trú tại: Bản CL, xã LL, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Anh Giàng A L có đơn xin ly hôn với chị Hàng Thị S, Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hàng Thị S quá trình giải quyết vụ kiện, chị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Giàng A L và chị Hàng Thị S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 trên cơ sở tự nguyện theo phong tục tập quán địa phương. Anh Giàng A L và chị Hàng Thị S không có đăng ký kết hôn trái với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A L và chị Hàng Thị S không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào Điều 53 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh Giàng A L và chị Hàng Thị S L vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng anh Giàng A L và chị Hàng Thị S sinh được 03 con chung L cháu Giàng Thị K, sinh năm 1999; Giàng A S, sinh ngày 07/3/2001 (Hiện nay các cháu đã trưởng thành xây dựng gia đình riêng).

Đối với cháu Giàng A T, sinh ngày 18/9/2003. Nay ly hôn anh Giàng A L muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Giàng A L cũng L nguyện vọng của cháu Giàng A T và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T, đặc biệt điều kiện để đảm bảo cho cháu phát triển về mặt thể chất, bảo đảm cho việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Căn cứ điều kiện, thực tế của anh Giàng A L và chị Hàng Thị S, căn cứ vào nguyện vọng của anh Giàng A L. Chấp nhận yêu cầu của anh Giàng A L, giao cháu Giàng A T cho anh Giàng A L được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Hàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Hàng Thị S được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Giàng A L là nguyên đơn, do vậy phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A L và chị Hàng Thị S L vợ chồng.

2. *Về con chung*: Anh Giàng A L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng A T, sinh ngày 18/9/2003, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Hàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án xem xét, giải quyết cùng vụ án.

4. *Về án phí*: Anh Giàng A L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn L 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào dự phí xin ly hôn anh Giàng A L đã nộp L 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0004471 ngày 02/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

5. *Về quyền kháng cáo*:

Anh Giàng A L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Hàng Thị S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Vân Hồ (2 bản);
- TAND tỉnh Sơn la;
- THADS huyện Vân Hồ;
- UBND xã LL;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đèo Văn Quỳnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS (2 bản);
- TAND tỉnh;
- THADS;
- UBND xã Chiềng Xuân;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Nghiêm